

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN NIEN SERVICES AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN NIEN., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108178990

**3. Ngày thành lập:** 08/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 38 Phố Thanh Hà, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977933797

Fax:

Email: [phuonguy105@gmail.com](mailto:phuonguy105@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                      | 5621        |
| 2.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                            | 5630        |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                                          | 7310        |
| 4.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                     | 7911(Chính) |
| 5.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                       | 7920        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                          | 8230        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005) | 8299        |
| 8.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4773        |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                   | 4781        |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                | 4931        |
| 11. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                              | 5021        |
| 12. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên phương tiện vận tải hoặc dỡ hàng hóa hoặc hành lý của hành khách từ phương tiện vận tải | 5224        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa, đại lý bán vé máy bay, đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải đường biển. Môi giới thuê tàu biển và máy bay                  | 5229 |
| 14. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                       | 5510 |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                         | 7410 |
| 16. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                            | 7912 |
| 17. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                            | 8130 |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ); hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh | 4723 |
| 19. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4771 |
| 20. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                  | 1010 |
| 21. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                          | 1020 |
| 22. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                     | 1030 |
| 23. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                              | 1050 |
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                               | 4632 |
| 25. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                 | 4633 |
| 26. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                             | 4641 |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                             | 4711 |
| 28. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                | 4721 |
| 29. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                 | 5610 |
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                             | 5629 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHAN THỊ HẢI HÀ   | Số 58 Ngõ 191, Tổ 12, Đường Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 270.000    | 2.700.000.000         | 30,000    | 012988607                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                            | Tổng số           | 270.000    | 2.700.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN THỊ THUẦN    | Số 264, Tổ 9, Đường Phúc Xá, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 450.000    | 4.500.000.000         | 50,000    | 010183000141                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                            | Tổng số           | 450.000    | 4.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | Số 82B, Ngõ 191, Tổ 29 Đường Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    | 022163000419                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                            | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/01/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 022163000419

Ngày cấp: 24/05/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 82B, Ngõ 191, Tổ 29 Đường Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 82B, Ngõ 191, Tổ 29 Đường Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội